

TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

TIẾP NHẬN VĂN XUÔI NGÀ THẾ KỈ XIX Ở VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

TIẾP NHẬN
VĂN XUÔI NGÀ THẾ KỈ XIX
Ở VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	5
Dẫn nhập	7
Chương I – Văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam giai đoạn trước 1954	15
1. Tiền đề tiếp nhận	15
2. Bức tranh dịch thuật	23
3. Tình hình nghiên cứu, phê bình	28
4. Dấu ấn văn xuôi Nga thế kỉ XIX trong sáng tác của một số nhà văn.	34
Chương II – Văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975	58
1. Ở miền Bắc	58
1.1. Tiền đề tiếp nhận	58
1.2. Bức tranh dịch thuật	60
1.3. Tình hình nghiên cứu, phê bình	74
1.4. Dấu ấn văn xuôi Nga thế kỉ XIX trong sáng tác của một số nhà văn.	82
2. Ở miền Nam	90
2.1. Tiền đề tiếp nhận	90
2.2. Bức tranh dịch thuật	92
2.3. Tình hình nghiên cứu, phê bình.	99
Chương III – Văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam giai đoạn sau 1975	115
1. Tiền đề tiếp nhận	115
2. Bức tranh dịch thuật	120
3. Tình hình nghiên cứu, phê bình	127
4. Dấu ấn văn xuôi Nga thế kỉ XIX trong sáng tác của một số nhà văn.	149
Kết luận	159
Tài liệu tham khảo	166

Lời nói đầu

Thế giới hiện đại đang chuyển mạnh trong xu thế toàn cầu hoá. Việc tìm hiểu và tiếp nhận các nền văn minh, các giá trị văn hoá nhân loại đã trở thành quy luật phát triển tất yếu của mỗi dân tộc. Thực tiễn chứng minh rằng, quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá không hề làm mất đi bản sắc và tính độc đáo của văn hoá Việt Nam mà ngược lại, khi tìm hiểu nghiêm túc và tiếp nhận sáng tạo các nền văn hoá khác, chúng ta đã làm giàu thêm cho nền văn hoá của chính dân tộc mình và văn hoá nhân loại.

Văn học Nga thế kỉ XIX là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của lịch sử văn học thế giới, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nội dung, nghệ thuật, cũng như khuynh hướng phát triển của văn học thế giới, trong đó có văn học Việt Nam. Do vậy, nghiên cứu và dựng lại bức tranh tổng thể về tiếp nhận văn học Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam là một đề tài cần thiết, mang nhiều ý nghĩa.

Do dung lượng hạn chế của một chuyên luận, chúng tôi không đề cập sâu rộng đến toàn bộ các tác giả, tác phẩm văn xuôi Nga thế kỉ XIX mà tập trung chủ yếu vào một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu được tiếp nhận rộng rãi ở Việt Nam. Ở từng tác giả, tác phẩm, việc khai thác cũng có mức độ khác nhau, tùy thuộc vào sự hiện diện, phạm vi ảnh hưởng của tác giả, tác phẩm ấy trong đời sống văn học Việt Nam. Cũng vậy, đối với trường hợp các nhà văn Việt Nam tiếp nhận ảnh hưởng của văn học Nga, ở mỗi thời kì, chúng tôi chỉ chọn một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

Chuyên luận này hi vọng có thể là tài liệu hữu ích cho sinh viên, học viên khoa Ngữ văn, khoa Văn hoá học các trường đại học, cao đẳng, giáo viên các trường phổ thông và các nhà nghiên cứu văn học, văn hoá học.

Trong quá trình xây dựng bản thảo, chúng tôi đã tiếp thu được nhiều ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước (xem Thư mục Tài liệu tham khảo cuối sách), đã nhận được các ý kiến nhận xét, góp ý của nhiều nhà nghiên cứu và đồng nghiệp. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Dù đã cố gắng nhưng chuyên luận chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của đông đảo bạn đọc.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 09 năm 2009

TS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

DẪN NHẬP



Thế giới từ lâu đã gọi thế kỉ XIX của văn học Nga là “thế kỉ vàng”, “thế kỉ Phục hưng Nga”. “Sự phục hưng trong văn học Nga là sự phục hưng cuối cùng và vĩ đại nhất, thậm chí cả khi so sánh với sự phục hưng trong văn học Ý, Đức và Pháp” [dẫn theo 206, tr.4]⁽¹⁾. Chính trong thời kì này, văn học Nga đã làm châu Âu và thế giới phải kinh ngạc trước sự thăng hoa của “những trí tuệ đẹp đẽ phi thường”, “những tâm hồn trong sạch một cách thần thánh – tâm hồn và trí tuệ của những nghệ sĩ chân chính” (M. Gorki) như : A. Puskin, M. Lermontov, N. Gogol, I. Turgenev, L. Tolstoi, F. Dostoievski, A. Chekhov..., những người không chỉ được xem là niềm hãnh diện của văn học Nga mà còn là những nhà văn lớn bậc nhất của văn học thế giới.

Tầm quan trọng của văn học Nga thế kỉ XIX lâu nay vẫn là đối tượng nghiên cứu hấp dẫn ở Nga cũng như ở nước ngoài. Nhiều nhà nghiên cứu ở các nước khác nhau, ngay cả khi phân tích, xem xét các hiện tượng của văn học hiện đại nước nhà cũng trở về di sản văn học cổ điển Nga như tìm đến một chuẩn mực lí tưởng của nghệ thuật.

Văn học Nga giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong các nền văn học nước ngoài ở Việt Nam. Ý nghĩa thế giới và ảnh hưởng nhiều mặt của văn học Nga thông qua sự tiếp nhận văn học trong xã hội và đời sống văn học Việt Nam là không thể phủ nhận. Tìm hiểu

⁽¹⁾ 206 là thứ tự tài liệu nằm trong phần *Tài liệu tham khảo* ở cuối sách này.

việc tiếp nhận văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam, chúng tôi mong muốn xác định không chỉ giá trị nhân loại và tác dụng lớn lao của nền văn học này đối với chúng ta, mà cả nhu cầu xã hội, xu hướng và bản lĩnh của văn học Việt Nam trong quá trình tiếp nhận, qua đó thấy rõ hơn sự trưởng thành của văn học Việt Nam trong thế kỉ XX, cũng như những bài học quý báu đối với độc giả và các nhà văn chúng ta. Đây là chuyên luận nghiên cứu vấn đề tiếp nhận một nền văn học qua những tác giả và tác phẩm văn học cụ thể, vì thế vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học (còn gọi là mĩ học tiếp nhận) để xem xét vấn đề là một trong những thao tác quan trọng. Ở đây, chúng tôi thấy cần giới thuyết một số luận điểm cơ bản như sau :

Khởi nguồn từ Cộng hoà Liên bang Đức với trường phái Konstanz, *mĩ học tiếp nhận* đã được các nhà lí luận mĩ học trên thế giới ghi nhận, tiếp thu và phát triển, góp phần bổ sung một cách đáng kể vào hệ thống tri thức lí luận văn học. Nếu trước kia, lí luận văn học mới tập trung vào các phạm trù, quy phạm và chuẩn mực kinh điển như *tác phẩm, trường phái, trào lưu, phương pháp sáng tác, điển hình văn học, tính dân tộc, tính nhân dân*, v.v... thì gần đây, nó đặc biệt quan tâm tới vấn đề mĩ học tiếp nhận. Điều đó đã góp phần đổi mới, làm tăng ý nghĩa thiết thực, thời sự của lí luận văn học.

“Mĩ học tiếp nhận đoạn tuyệt với những ý niệm về tính độc lập của nghệ thuật khỏi văn cảnh xã hội lịch sử, nó gia nhập lĩnh vực nghiên cứu độc giả và xã hội, nó trình bày văn học như sản phẩm của tình thế lịch sử, phụ thuộc vào lập trường của độc giả lí giải” [85, tr. 91]. Mĩ học tiếp nhận đề xuất ý tưởng, rằng viết văn là tất yếu bao hàm mối quan hệ với người đọc, rằng “tác phẩm *nảy sinh, được thực hiện* chỉ trong quá trình *gặp gỡ*, tiếp xúc của văn bản văn

học với độc giả, và đến lượt mình, nhờ *liên hệ ngược*, độc giả quyết định tính chất lịch sử cụ thể của việc tiếp nhận và tồn tại của tác phẩm [85, tr.91]. Như vậy, trong *mĩ học tiếp nhận*, tác phẩm nghệ thuật được xem xét không phải tự thân nó mà trong mối quan hệ qua lại với chủ thể tiếp nhận. Tác phẩm văn học là sự thống nhất giữa phần khái quát đã được mã hoá trong văn bản và phần cảm nhận, khám phá của người đọc. Giá trị tác phẩm một mặt phụ thuộc vào phẩm chất nội tại của bản thân tác phẩm, mặt khác phụ thuộc vào trình độ, cách đọc, môi trường đọc của các thế hệ khác nhau đối với chúng. Trong mối tương quan này, ở khâu tác phẩm, giá trị là *cố định* và ở trong *thể khả năng*; ở khâu tiếp nhận, giá trị mới là *hiện thực* và *biến đổi*. Quan niệm này buộc người nghiên cứu khi đánh giá tác phẩm không chỉ dừng lại phân tích “cấu trúc bên trong”, “cấu trúc vẫy gọi”, “đề án tiếp nhận” trong dụng ý chủ quan của tác giả và ý nghĩa khách quan của tác phẩm, mà còn phải chú ý tới hành trình và số phận của nó trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, để có được hiệu quả tiếp nhận rộng rãi và lâu bền thì tác phẩm văn học phải là văn bản nghệ thuật có giá trị. Nó không thể ở “trạng thái chân không về thông tin” và thậm chí [85, tr. 103]. Tác phẩm có sức sống trường tồn trước hết phải là tác phẩm độc đáo, không lặp lại, thể hiện tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ ngôn từ. Sức sống ấy phụ thuộc vào sức mạnh của những khái quát nghệ thuật cơ bản trong đó. Ý nghĩa khái quát của tác phẩm bộc lộ ở tính chất triết học, ở khả năng chiêm nghiệm của nhà văn về các hiện tượng đời sống, khả năng rút ra những vấn đề có ý nghĩa chung cho toàn xã hội hay toàn nhân loại từ các quan sát cụ thể. Những khái quát nghệ thuật ấy tiềm ẩn một năng lượng nghĩa và ý nghĩa khổng lồ nhiều khi vượt khỏi giới hạn của một

thời đại, một dân tộc. Điều này phụ thuộc vào tài năng, kinh nghiệm sống, khả năng bao quát và sự nhạy cảm về tương lai của nhà văn. Lịch sử văn học đã chứng minh những tác phẩm có sức sống lâu bền trước hết do chính những phẩm chất nội tại của chúng. Các nghệ sĩ vĩ đại bao giờ cũng hướng tác phẩm của mình tới cái chân, thiện, mỹ – đó là cơ sở vững chắc để sản phẩm tinh thần của họ tồn tại với thời gian.

Song, thế giới nghệ thuật của các tài năng nhà văn mới chỉ là những bí ẩn trên trang giấy. *Hamlet* dù vĩ đại, nhưng nếu chưa đến với độc giả, vẫn mới chỉ là *Hamlet* của William Shakespear ; *Chiến tranh và hoà bình* dù là “tiểu thuyết lớn nhất của văn học thế giới thế kỉ XIX” (M.Gorki) nhưng vẫn chỉ có ý nghĩa với riêng Tolstoi nếu như tác phẩm ấy chưa đến với người đọc. Cái bí ẩn, cái vĩ đại của tác phẩm sẽ được khám phá, tiếp cận bởi các thế hệ độc giả khác nhau. Tiếp nhận là điều kiện chủ quan để tác phẩm tồn tại, làm nên đời sống tác phẩm, biến ý nghĩa của văn bản thành những giá trị. Một trong những phạm trù cơ bản của lí thuyết tiếp nhận văn học là phạm trù công chúng tiếp nhận – người đọc. Họ có kinh nghiệm sống, tầm văn hoá, trạng thái tâm lí, động cơ tiếp nhận khác nhau. Họ làm nên một mắt xích không thể thiếu để hoàn thiện chu trình khép kín : Nhà văn – Tác phẩm – Người đọc. Trong quá trình tiếp nhận, người đọc bằng tiềm năng và những kinh nghiệm xã hội, nghệ thuật của mình, “giải mã những điều mà nhà văn đã mã hoá trong tác phẩm, tạo lại cái nghĩa mà tác giả đã đưa vào trong cấu trúc nghệ thuật, biến một văn bản “tự nó” thành một văn bản “cho mình”, biến tác phẩm ở dạng khả năng thành ra hiện thực” [193, tr.215]. Có người từng lí giải sự vĩ đại của văn học Nga thế kỉ XIX, một mặt, từ sự khổng lồ của các tác phẩm ; mặt khác, từ

sự vĩ đại của người đọc Nga thế kỉ XIX. Cũng vậy, thơ Đường vĩ đại vì bản thân nó, đồng thời vì thơ Đường có biết bao bạn đọc uyên thâm, biết định giá, tôn vinh và nuôi dưỡng nó trong hàng ngàn năm, làm cho nó trở thành tài sản nhân loại. Chúng ta không tuyệt đối hoá cho rằng giá trị tác phẩm chỉ có được do tiếp nhận, nhưng cũng phải thừa nhận rằng sinh mệnh của tác phẩm nằm trong thế giới bạn đọc. Chỉ có trong đời sống lịch sử lâu dài, tác phẩm văn học mới bộc lộ hết sự phong phú và sức mạnh tiềm ẩn của nó.

Việc nhìn nhận vai trò của người đọc đã từng được đề cập trong lí luận tiếp nhận truyền thống, đó là vấn đề tri âm của cá nhân đối với tác phẩm. Song lí thuyết tiếp nhận truyền thống chủ yếu chỉ quan tâm tới sự gặp gỡ giữa hai chủ thể cá nhân, hai “thế giới nội tâm” của tác giả với người đọc. Giai thoại tri âm tri kỉ Tử Kỳ – Bá Nha, hoặc sinh hoạt xướng – hoạ, bình văn trong các Tao đàn, Thi xã thơ văn Việt Nam là những ví dụ tiêu biểu cho lí thuyết tiếp nhận truyền thống. Lí luận tiếp nhận hiện đại đã bổ sung bình diện xã hội học và văn hoá lịch sử khi đề cập đến sự tiếp nhận của truyền thống văn hoá này đối với tác phẩm của một truyền thống văn hoá khác, của xã hội này đối với tác phẩm của một xã hội khác. Nói cách khác, nó chú ý đến tính đa dạng, phức tạp, tinh tế, đến biên độ, cầu trường tiếp nhận rộng lớn hơn.

Đến với đối tượng tiếp nhận, tác phẩm văn học có thể tham gia vào các môi trường khác nhau, thuộc các thời kì lịch sử khác nhau. Do tính chất phức tạp của xã hội và lịch sử, sự vận động của tác phẩm văn học là quá trình biện chứng đầy mâu thuẫn. Trong quá trình đó, tác phẩm văn học có những số phận lịch sử khác nhau. Có tác phẩm vang dội một thời, sau bị lãng quên ; có tác phẩm lúc đầu được tiếp nhận khó khăn sau lại lên ngôi chói sáng. Quyết định số

phận tác phẩm văn học mỗi thời kì là do *tâm đón nhận* của người đọc. Tâm đón nhận chính là tâm văn hoá của người đọc do điều kiện lịch sử – xã hội quy định, tồn tại dưới dạng những quy chuẩn thẩm mỹ được biểu hiện ra trong quá trình lí giải, đánh giá, tiếp thu giá trị tác phẩm. Kiệt tác văn chương bao giờ cũng hàm ẩn một khả năng đối thoại, một cấu trúc mở. Bởi thế, mỗi thời kì lịch sử, mỗi thế hệ người đọc có thể lĩnh hội tác phẩm theo nhu cầu tinh thần của thời đại mình, khám phá và khai thác những khía cạnh phù hợp. Chẳng hạn, khi nghiên cứu sáng tác của L. Tolstoi, Lenin nhìn thấy trong di sản của nhà văn vĩ đại này những yếu tố thuộc về quá khứ và những yếu tố thuộc về tương lai. Đúng về tính chất và động lực của cuộc cách mạng Nga, Lenin đã đón lấy những yếu tố dân chủ và xã hội chủ nghĩa trong tác phẩm L. Tolstoi. Hoặc, mỗi thế hệ, mỗi thời đại lịch sử lại tìm thấy ở tác phẩm văn học những giá trị mới, khám phá mới. Văn học cổ điển Nga là một hiện tượng lớn lao của văn học nghệ thuật thế giới. Tác phẩm của các nhà văn Nga luôn là ẩn số đa tầng, phức hợp, là cuộc đối thoại tư tưởng không dứt, như sức sống tác phẩm của Puskin mà Belinski đã nhận xét : “Puskin thuộc về những hiện tượng mãi mãi tồn tại và vận động không dừng lại ở điểm bắt gặp cái chết mà tiếp tục được phát triển trong ý thức của xã hội. Mỗi thời đại có những phán xét về những hiện tượng ấy, và cho dù có hiểu đúng đến đâu chăng nữa thì bao giờ nó cũng để dành lại cho thời đại tiếp sau nói lên một điều gì đó mới mẻ và đúng đắn hơn và chẳng bao giờ một thời đại nào lại có thể nói hết tất cả” [200, tr. 555].

Đặc điểm tâm lí dân tộc, môi trường văn hoá xã hội cũng là yếu tố quy định cách tiếp cận, đánh giá khác nhau về sáng tác của nhà văn. Ở không gian văn hoá này, tác phẩm được khai thác chủ yếu ở phương diện này ; ở không gian văn hoá khác, nó lại được khai thác

chủ yếu ở phương diện khác. Lịch sử tiếp nhận nhiều hiện tượng văn học đã chỉ ra một cách thuyết phục tính chất không đơn nghĩa trong sự tương tác qua lại giữa các sáng tác nghệ thuật với ý thức thẩm mĩ của những tầng lớp xã hội khác nhau, những dân tộc khác nhau.

Theo phân loại của các nhà lí luận văn học, có *nhiều loại người đọc*. Người đọc có thể là độc giả vô danh. Sự tiếp nhận của đa số độc giả vô danh chỉ có thể biết được qua điều tra xã hội học. Với người đọc đặc biệt – nhà phê bình, nhà văn, dịch giả..., sự tiếp nhận của họ mang tính nghề nghiệp và chuyên sâu. *Dịch giả* tiếp nhận tác phẩm để sáng tạo “thực tại nghệ thuật” của nguyên tác trong môi trường văn hoá – ngôn ngữ dân tộc mình. Việc họ chọn dịch tác phẩm nào thể hiện hứng thú, mối quan tâm không chỉ của họ, mà cả của công chúng. Tiếp nhận của *nhà phê bình* là bày tỏ quan điểm đối với sáng tác trên những cơ sở lí luận cụ thể, phát hiện giá trị tác phẩm, nối liền nhà văn, tác phẩm với người đọc. “Phê bình là một trình độ cao của tiếp nhận, một sự tiếp nhận có ý thức và có phương hướng” [62, tr. 157], là nhân tố tổ chức dư luận xã hội. Người đọc là *nhà văn* tiếp nhận tác phẩm để học hỏi kinh nghiệm sáng tác. Xét trên bình diện xã hội, người đọc, tức công chúng tiếp nhận là những thành phần không đơn nhất. Họ khác nhau về tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, địa phương, trình độ văn hoá, thị hiếu... Song, vượt lên trên sự không đồng nhất ấy, “nhìn chung công chúng của một xã hội nhất định vẫn tạo nên một cá tính thống nhất trong lịch sử chung cùng với phương hướng, quan điểm về sự vật” [200, tr. 4]. Điều đó cho phép có thể nói về người đọc ở những bình diện khác nhau trong một không gian xã hội – văn hoá cụ thể ở những thời kì lịch sử nhất định.

Xuất phát từ định hướng như vậy, chuyên luận cố gắng dựng lại lịch sử tiếp nhận văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam.

Sự tiếp nhận văn học nước ngoài nói chung, văn xuôi Nga thế kỉ XIX nói riêng, luôn tương ứng với những bước đi lớn của lịch sử, văn hoá, văn học Việt Nam, chịu sự chi phối của những điều kiện tiếp nhận trong những hoàn cảnh tiếp nhận cụ thể. Do vậy, nội dung chuyên luận được triển khai qua ba chương :

Chương I : Văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam giai đoạn trước 1954 ;

Chương II : Văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam giai đoạn 1954 –1975 ;

Chương III : Văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam sau 1975.

Ở mỗi chương, chúng tôi xác định những điều kiện xã hội, chính trị, văn hoá làm tiền đề cho việc tiếp nhận văn xuôi Nga ; khảo sát tình hình dịch thuật, công luận ; tình hình nghiên cứu ; ảnh hưởng của văn xuôi Nga trong sáng tác của một số nhà văn Việt Nam. Cách triển khai như vậy hi vọng sẽ phân tích được sự tương tác giữa các bình diện tiếp nhận trong cùng một bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, những đặc điểm của sự tiếp nhận văn học Nga ở mỗi thời kì, thấy được bước tiến của quá trình và hình dung được bức tranh toàn cảnh của việc tiếp nhận văn học Nga ở Việt Nam trong hơn nửa thế kỉ qua.

Chương I

VĂN XUÔI NGA THẾ KỈ XIX Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TRƯỚC 1954



1. Tiền đề tiếp nhận

Từ thế kỉ XIX, văn học Nga đã được giới thiệu rộng rãi ở phương Tây, ở Pháp, trước sự ngưỡng mộ của giới cầm bút và bạn đọc. Sau những cải cách chấn động của Piot Đại đế, sau thắng lợi của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại năm 1812 và sau một loạt nhà văn, tác phẩm nổi tiếng xuất hiện, nước Nga đã làm phương Tây thực sự kinh ngạc. Tìm hiểu nước Nga và văn học Nga thành nhu cầu và sự say mê của trí thức phương Tây.

Văn học Nga đóng vai trò quan trọng, thậm chí quyết định đến việc thay đổi nhận thức của châu Âu về nước Nga, văn hoá Nga. Tạp chí *Người đưa tin châu Âu* số 11 năm 1899 đã đưa ra nhận xét : “Văn học Nga với khát vọng và sự tìm tòi quyết liệt chân lí cuộc sống, với sự nhạy cảm sâu sắc về tâm hồn con người đã đem đến một cách nhìn mới về đặc trưng tâm lí con người Nga, về tình cảm, ước mơ và khí phách của nhân dân Nga... Sự gia nhập của văn học Nga vào tiến trình vận động trí tuệ chung của châu Âu đã ảnh

hưởng sâu sắc đến địa vị quốc tế của nước Nga và làm thay đổi tận gốc rễ uy tín của Nga trong nền văn hoá thế giới” [dẫn theo 198, tr. 354]. Mặc dù vậy, cho đến nửa đầu thế kỉ XX, văn học Nga vẫn chưa đến thẳng tới Việt Nam mà phải qua trung gian là văn học Pháp.

Qua hai lần khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (lần 1 : từ 1897 đến trước Đại chiến thế giới thứ Nhất ; lần 2 : vào những năm 20 của thế kỉ XX), xã hội Việt Nam có những biến đổi quan trọng : những giai cấp, tầng lớp xã hội mới ra đời ; một số hệ giá trị mới xuất hiện dựa vào các chuẩn mực, giá trị của xã hội tư sản phương Tây. Ảnh hưởng của văn hoá phương Tây, chủ yếu là văn hoá Pháp, bắt đầu tác động một cách toàn diện vào mọi lĩnh vực đời sống vật chất, tinh thần người Việt, trước hết là ở thành thị. Tiếp xúc với văn hoá phương Tây, văn hoá Pháp, nền văn hoá Việt Nam nói chung, văn học Việt Nam nói riêng, kết thúc thời kì hàng chục thế kỉ khép kín ở phương Đông, bắt đầu quá trình hiện đại hoá và dần dần gia nhập vào quỹ đạo văn học thế giới. Thêm nữa, từ những năm 30 của thế kỉ XX, giai cấp vô sản cùng nền văn hoá vô sản ra đời và ngày càng phát triển. Điều đó cũng tác động mạnh vào quá trình đến với văn học thế giới, chuyển từ phạm trù trung đại sang phạm trù hiện đại của văn học Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh thuộc thế hệ độc giả Việt Nam tiếp xúc với văn học cổ điển Nga từ rất sớm. Trong bài *Tôi là người học trò nhỏ của nhà văn Nga vĩ đại Tolstoi* (bản tiếng Nga đăng trên tờ *Văn học* số ra ngày 19 – 11 – 1960 tại Moskva, bản tiếng Việt đăng trên báo *Nhân dân* số ra ngày 21 – 11 – 1960 tại Hà Nội), Nguyễn Ái Quốc kể lại kỉ niệm làm quen với tác phẩm của Tolstoi qua bản dịch tiếng Pháp vào đầu những năm 20. Nguyễn Ái Quốc yêu thích

Tolstoi không chỉ bởi cách viết giản dị, rõ ràng, dễ hiểu, mà còn bởi giá trị nội dung sâu sắc của các tác phẩm.

Ở trong nước, một thời gian dài, văn học Pháp là “người môi giới” đưa văn học Nga đến với độc giả Việt Nam. Qua những bản dịch tiếng Pháp và sự giới thiệu, đánh giá cao của các nhà văn Pháp, các trí thức, các nhà văn Việt Nam đã biết và tìm đến văn học Nga. Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai nhớ lại : "Tôi say mê với chữ nghĩa văn chương, với văn học cổ điển phương Tây, trước hết là văn học Pháp. Mấy năm qua, một giáo sư văn học nhiều lần ca ngợi cái vĩ đại của nền văn học cổ điển Nga. Giáo sư đó nói đến Puskin, Gogol, L. Tolstoi, Dostoievski, Chekhov như những bậc thầy của văn học thế giới thế kỉ XIX. Tác phẩm của họ thực sự đã chinh phục được sự khâm phục của toàn cầu" [120, tr. 162]. Vào những năm 1925 – 1926, nhờ những tác phẩm của những nhà văn tiến bộ Pháp, tên tuổi Puskin, Tolstoi, Gorki, Maiakovski... vượt hàng rào phong toả của đế quốc Pháp vào Việt Nam. Giai đoạn này đã xuất hiện tầng lớp trí thức Tây học – những tiến sĩ, cử nhân văn chương, cử nhân khoa học tốt nghiệp ở Pháp, những học sinh, sinh viên trong các trường Pháp – Việt tại Việt Nam. Vốn văn hoá họ tiếp thu ở các nhà trường chủ yếu là vốn văn hoá Pháp. Văn học cổ điển Nga qua bản dịch tiếng Pháp làm họ say mê. Họ đọc, dịch nhiều tác phẩm sang quốc ngữ với mục đích vừa để tiếp thu tư tưởng văn hoá phương Tây, vừa để học và giới thiệu những cách viết văn, làm thơ mới lạ.

Giai đoạn này cũng là giai đoạn diễn ra cuộc chuyển giao văn học từ các thể hệ trí thức Nho học sang Tây học – *"cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỉ"*. Nếp cảm, nếp nghĩ của thế hệ trí thức Tây học về những giá trị cá nhân, về hạnh phúc con người rất khác trước : "Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ